

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRỊNH THỊ TUYẾT MAI

BẢO ĐẢM QUYỀN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CỦA
NGƯỜI KHUYẾT TẬT Ở VIỆT NAM

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

Mã số: Thí điểm

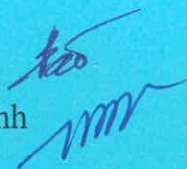
HÀ NỘI - 2026

**Luận án được hoàn thành tại
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học:

PGS. TS Nguyễn Thị Bảo

TS. Trần Thị Hồng Hạnh



Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận
án cấp Học viện họp tại Học viện Chính trị Quốc gia
Hồ Chí Minh**

Vào hồi... .. giờ... .. ngày... .. tháng... .. năm 20...

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền trợ giúp pháp lý (TGPL) có vai trò rất quan trọng trong bảo đảm tiếp cận công lý (TCCL) và thúc đẩy quyền con người (QCN). Quyền TGPL được ghi nhận trong pháp luật quốc tế và khẳng định như một quyền cụ thể trong TCCL, bảo đảm công bằng và bình đẳng trước pháp luật.

Ở Việt Nam, TGPL là một chính sách mang tính nhân văn của Đảng và Nhà nước hướng tới các nhóm yếu thế, trong đó có người khuyết tật (NKT). Việt Nam đã thực hiện nội luật hóa quyền TGPL của NKT phù hợp với nguyên tắc của Liên hợp quốc (LHQ), Công ước quốc tế về quyền của NKT (CRPD) và tình hình thực tiễn của Việt Nam qua khung chính sách, pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật nhằm bảo đảm quyền TGPL của NKT. Tuy nhiên việc bảo đảm quyền TGPL của NKT ở Việt Nam vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức cả về lý luận và thực tiễn. Bên cạnh đó, về phương diện khoa học, còn thiếu công trình nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện và có hệ thống về bảo đảm quyền TGPL của NKT dưới góc độ pháp luật về QCN. Từ đó, nghiên cứu sinh (NCS) lựa chọn đề tài “Bảo đảm quyền trợ giúp pháp lý của người khuyết tật ở Việt Nam”.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1 Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích, làm rõ cơ sở lý luận về bảo đảm quyền TGPL của NKT, luận án phân tích, đánh giá thực trạng bảo đảm quyền TGPL của NKT ở Việt Nam; từ đó xác định các quan điểm

và đề xuất các giải pháp bảo đảm quyền TGPL của NKT trong thời gian tới.

2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án nghiên cứu tổng quan những công trình khoa học có liên quan; làm rõ cơ sở lý luận của về bảo đảm quyền TGPL của NKT; khảo sát, phân tích, đánh giá thực tiễn bảo đảm quyền TGPL của NKT ở Việt Nam; xác định các quan điểm, đề xuất các giải pháp bảo đảm quyền TGPL của NKT ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo đảm quyền TGPL của NKT ở Việt Nam.

3.2 Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về bảo đảm quyền TGPL của NKT dưới góc độ pháp luật về QCN. Về không gian: Luận án phân tích khung chính sách, pháp luật và dữ liệu hành chính về bảo đảm quyền TGPL của NKT trên phạm vi cả nước. Dữ liệu sơ cấp được thu thập tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Thái Nguyên và Thanh Hóa theo phương pháp chọn mẫu phi xác suất. Về thời gian: Từ năm 2015 đến nay.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1 Phương pháp luận

Luận án dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và một số lý thuyết: Công lý như là sự công bằng, tiếp cận dựa trên QCN, mô hình xã hội của NKT.

4.2 Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu, bao gồm: phân tích và tổng hợp, so sánh, lịch sử, điều tra khảo sát, phỏng vấn sâu, nghiên cứu tài liệu, hệ thống hóa.

4.3 Hạn chế của nghiên cứu

Nghiên cứu chưa vận dụng phương pháp nghiên cứu tình huống (Case study) trong bối cảnh thực tế. Luận án khắc phục bằng dữ liệu khảo sát kết hợp phỏng vấn sâu làm tăng tính thực tiễn và độ tin cậy của kết quả nghiên cứu.

5. Đóng góp mới của đề tài luận án

Luận án góp phần bổ sung và làm rõ cơ sở lý luận về quyền TGPL của NKT và bảo đảm quyền TGPL của NKT; góp phần xác lập cách tiếp cận nghiên cứu bảo đảm quyền TGPL của NKT từ góc độ QCN; phân tích, đánh giá tương đối toàn diện thực trạng chính sách, pháp luật và thực tiễn bảo đảm quyền TGPL của NKT ở Việt Nam; chỉ ra kết quả, hạn chế, nguyên nhân của kết quả, hạn chế trong quy định pháp luật, tổ chức thực hiện, năng lực của chủ thể cung cấp dịch vụ, khả năng tiếp cận của NKT và các điều kiện bảo đảm thực thi quyền trên thực tế; đề xuất các quan điểm và giải pháp hoàn thiện pháp luật, cơ chế tổ chức thực hiện và điều kiện bảo đảm quyền TGPL của NKT ở Việt Nam.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài luận án

6.1 Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần phát triển hệ thống lý luận chung về bảo đảm QCN, đặc biệt là lý luận về bảo đảm quyền TGPL của NKT;

6.2 Ý nghĩa thực tiễn

Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ sở đào tạo, các tổ chức và cá

nhân có liên quan nhằm bảo đảm quyền TGPL của NKT ở Việt Nam.

7. Kết cấu của đề tài luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Phụ lục, nội dung luận án gồm 4 chương (12 tiết).

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1 Tình hình nghiên cứu ở trong nước có liên quan đến đề tài luận án

1.1.1 Các công trình nghiên cứu về trợ giúp pháp lý

- Các Đề tài, Dự án về TGPL được thực hiện bởi Viện Khoa học pháp lý thuộc Bộ Tư pháp gồm: Mô hình tổ chức và hoạt động TGPL, phương hướng thực hiện trong điều kiện hiện nay (1999); Luận cứ khoa học và thực tiễn xây dựng pháp lệnh TGPL (2004); Luận cứ khoa học và thực tiễn sửa đổi, bổ sung Luật TGPL (2015); Báo cáo Nghiên cứu kinh nghiệm nước ngoài về TGPL (2015).

- Các luận án tiến sĩ: Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với hoạt động TGPL ở Việt Nam hiện nay (2007); Điều chỉnh pháp luật về TGPL ở Việt Nam trong điều kiện đổi mới (2008); Thực hiện pháp luật về TGPL trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam (2012), Hoạt động TGPL theo pháp luật Việt Nam hiện nay (2019) ...

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về người khuyết tật, quyền của người khuyết tật

- Sách, giáo trình: Nguyễn Thị Báo: Pháp luật về quyền của NKT ở Việt Nam (2011), Nguyễn Thị Quế Anh và cộng sự: Khoa luật, ĐHQGHN: Quyền của NKT (2019), Nguyễn Hiền Phương:

Bình luận về quyền của NKT theo Công ước quốc tế và thực trạng nội luật hóa ở Việt Nam (2021), Giáo trình: Luật NKT Việt Nam của Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), Lý luận và pháp luật về QCN của Khoa Luật - ĐHQGHN (2011); Lý luận và pháp luật về QCN của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (Học viện) (2021).

- Các nghiên cứu: Vũ Công Giao, Nguyễn Anh Đức: Khái niệm khuyết tật và cách tiếp cận dựa trên quyền trong Quyền của NKT (2019); Tài liệu tập huấn của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về CRPD (2018); Luận án: Bảo đảm quyền của NKT ở Việt Nam hiện nay (2021), Quyền của NKT trong pháp luật an sinh xã hội ở Việt Nam (2022); Đề tài khoa học cấp bộ: Bảo đảm quyền của NKT ở Việt Nam trong bối cảnh mới (2025); Báo cáo độc lập về tình hình thực thi CRPD tại Việt Nam (2020); Chu Thị Thúy Hằng: Xây dựng chỉ số về quyền của NKT ở Việt Nam (2025).

1.1.3. Các công trình nghiên cứu về bảo đảm quyền trợ giúp pháp lý của người khuyết tật

- Gồm các nghiên cứu tiêu biểu: Trần Thái Dương: Bảo đảm quyền TCCL, quyền được TGPL của NKT, sự tương thích của pháp luật Việt Nam với pháp luật quốc tế (2014); Nguyễn Minh Tâm - Vũ Công Giao: Tác động của bảo đảm quyền TCCL đến quyền về việc làm và giáo dục nghề nghiệp của NKT: Trường hợp Việt Nam trong Một số vấn đề nhân quyền hiện đại (2023); Nguyễn Hải An, Trần Mộng Bình: Bảo đảm quyền TCCL của NKT ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế (2022); Vũ Công Giao - Hoàng Thị Bích Ngọc: Vấn đề bảo đảm công lý cho NKT về trí tuệ trong tổ tụng hình sự, Nguyễn Ngọc

Lan: Quyền TCCL của NKT trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam, Nguyễn Ngọc Chí: Quyền của NKT trong lĩnh vực tư pháp hình sự trong Quyền của NKT (2019); Trần Thái Dương: Bảo đảm quyền TCCL của NKT ở Việt Nam hiện nay: Lý luận, pháp luật và thực tiễn trong Công lý và Quyền TCCL (2018); Huỳnh Thị Hồng Nhiên: Pháp luật về quyền của NKT ở một số quốc gia và kinh nghiệm tham khảo cho Việt Nam (2023); Nguyễn Hiền Phương, Huỳnh Phương Anh: Quyền tiếp cận tư pháp của NKT trong CRPD và việc nội luật hóa trong pháp luật Việt Nam trong Bình luận về quyền của NKT theo Công ước quốc tế và thực trạng nội luật hóa ở Việt Nam (2021).

- Thực trạng pháp luật về quyền TGPL và thực tiễn bảo đảm quyền TGPL của NKT ở Việt Nam gồm các nghiên cứu tiêu biểu: Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững: Báo cáo phân tích bối cảnh thực thi quyền của NKT Việt Nam (2023); Viện Nghiên cứu con người: Báo cáo đánh giá Luật NKT so sánh với CRPD và kinh nghiệm của một số quốc gia (2020); Ủy ban quốc gia NKT Việt Nam: Báo cáo về hoạt động trợ giúp NKT năm 2016; Chính phủ Việt Nam: Báo cáo các vấn đề liên quan đến báo cáo lần thứ nhất về tình hình thực hiện CRPD (2017); Nguyễn Văn Nguyên: TGPL cho NKT từ pháp luật đến thực tiễn thực hiện (2023).

- Các nghiên cứu đề cập đến quan điểm, giải pháp thúc đẩy, bảo vệ quyền của NKT, bao gồm: Pháp luật về quyền của NKT ở Việt Nam của Nguyễn Thị Báo (2011); Luật NKT Việt Nam của Trường Đại học Luật Hà Nội (2011); Bộ Tư pháp: Tài liệu tập huấn về Kỹ năng TGPL cho NKT (2020); Nguyễn Thuỳ Dương: Nghĩa vụ của nhà nước trong việc bảo đảm quyền của NKT theo pháp luật

quốc tế và pháp luật Việt Nam trong Quyền của NKT (2019); Nguyễn Văn Nguyên: TGPL cho NKT và vai trò của Luật sư (2017); Đỗ Hùng: Vấn đề tiếp cận pháp luật và TGPL đối với NKT (2025); Viện Nghiên cứu Phát triển Mekong (MDRI): Đánh giá mức độ hòa nhập NKT trong quản trị địa phương năm 2024; Học viện và MDRI: Đánh giá nhanh thực trạng cung ứng dịch vụ công trong bối cảnh chính quyền địa phương 2 cấp” (2026); Viện Nghiên cứu quản lý phát triển bền vững (MSD): Báo cáo Khảo sát năng lực số của NKT tại Việt Nam (2026).

1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài liên quan đến đề tài Luận án

1.2.1. Các công trình nghiên cứu về trợ giúp pháp lý

Với các công trình tiêu biểu: Raman Mittal “Legal Aid: Catalyst for Social Change” (TGPL: Nhân tố thúc đẩy sự tiến bộ xã hội) (2012); Văn phòng Liên hợp quốc về Ma túy và Tội phạm (UNODC) “Early access to legal aid in criminal justice processes: A handbook for policymakers and practitioners”(Tiếp cận sớm TGPL trong các quy trình tư pháp hình sự: cẩm nang dành cho các nhà hoạch định chính sách và các luật sư) (2015); Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) và UNODC “Global Study on Legal Aid Global Report” (Nghiên cứu toàn cầu về TGPL - Báo cáo toàn cầu) (2016); UNODC “Model Law on Legal Aid in the Criminal Justice System with Commentaries” (Luật mẫu về TGPL trong hệ thống tư pháp hình sự với Bình luận) (2017); Đối tác Chính phủ Mở (Open Government Partnership - OGP) “Open justice: Justice II-Legal aid” (Công lý mở: Công lý II - TGPL) (2020); Simon Rice “Reasoning a human right to legal aid” (Lập

luận về QCN đối với TGPL) (2017); Catrina Denvir, Jacqueline Kinghan, Jessica Mant and Daniel Newman “Legal Aid and the Future of Access to Justice” (TGPL và tương lai của việc TCCL) (2023); Luodan Liang, Liuxi Jiang, Zhang Linghao “Legal Design for Legal Aid: Rethinking Inclusivity and Trust in the Digital Age” (Thiết kế pháp lý cho TGPL: Tư duy lại về Tính bao trùm và Niềm tin trong kỷ nguyên số) (2025).

1.2.2. Các công trình nghiên cứu về NKT, quyền của NKT

Với các nghiên cứu: Lee Ann Bassier, Marcia H. Rioux, Melinda Jones “Critical Perspectives on Human Rights and Disability Law” (Quan điểm phê phán về luật nhân quyền và NKT) (2011); WHO&WB “World report on disability”(Báo cáo Thế giới về Khuyết tật) (2011); Ủy ban về Quyền của NKT (Committee on the Rights of Persons with Disabilities) “General comment No. 1 (Article 12)” (Bình luận chung số 1 Điều 12- Sự công nhận bình đẳng trước pháp luật) (2014); Giuseppe Palmisano, Rachele Cera, Valentina Della Fina, Viện Nghiên cứu Pháp luật Quốc tế (ISGI) “The United Nations Convention on the Rights of Persons with Disabilities: A Commentary” (Công ước LHQ về quyền của NKT: Bình luận) (2017); CRPD Committee “General comment No. 6 (Equality and non-discrimination)” (Bình luận chung số 6 - Bình đẳng và không phân biệt đối xử) (2018); CRPD Committee “General comment No. 2 - Accessibility” (Bình luận chung số 2 - Khả năng tiếp cận); Queensland Advocacy Incorporated (QAI - Australia), “Human Rights Indicators for People with Disabilities - A Reference for Disability Activists and Policy Makers” (Chỉ số

QCN đối với NKT - Tài liệu tham khảo dành cho các nhà hoạt động và nhà hoạch định chính sách về khuyết tật) (2015).

1.2.3. Các công trình nghiên cứu về quyền TCCL, quyền TCCL và quyền TGPL của NKT

1.2.3.1. Về quyền tiếp cận công lý

Dự án Công lý thế giới (World Justice Project) “Global insights on access to justice”(Những hiểu biết toàn cầu về TCCL) (2019); Lực lượng đặc nhiệm về công lý (The Task Force on Justice) “Justice for All” (Công lý cho tất cả) (2019); Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) “Legal needs surveys and access to justice”(Khảo sát nhu cầu pháp lý và TCCL) (2019); OGP “Justice policy series, part I: Access to justice” (Loạt bài về chính sách tư pháp, phần I: TCCL) (2019); American Bar Foundation (Hiệp hội luật sư Mỹ) “State of the art in civil legal needs surveys” (Khảo sát nhu cầu pháp lý dân sự tiên tiến nhất) (2025); OECD “Toolkit for access to justice and people-centred justice systems” (Bộ công cụ hỗ trợ TCCL và xây dựng hệ thống tư pháp lấy con người làm trung tâm) (2025).

1.2.3.2. Về quyền TCCL và quyền TGPL của NKT

Một số nghiên cứu tiêu biểu: Eilionóir Flynn “Disabled Justice? Access to Justice and the UN Convention on the Rights of Persons with Disabilities” (Công lý cho NKT? Quyền TCCL và Công ước LHQ về quyền của NKT (2016); Anna Lawson “Disabled people and Access to justice. From disablement to enablement” (NKT và TCCL. Từ khuyết tật đến hỗ trợ) In Peter Blanck & Eilionóir Flynn (Eds), Routledge Handbook of Disability Law and Human Rights (trong Sổ tay Routledge của

Luật khuyết tật và Nhân quyền (2017); Rosmalinda, Arif thuộc Viện Nghiên cứu và dịch vụ của Đại học Sumatera Utara, Medan, Indonesia “Legal aid for people with disabilities in accessing justice” (TGPL cho NKT trong TCCL) (2018). Viện Nghiên cứu cuộc sống và xã hội (Institute for Lifecourse and Society - National University of Ireland) “Final Report Access to Justice of Persons with Disabilities” (Báo cáo cuối cùng TCCL cho NKT” (2019); WB “A tool for justice: Cost-benefit analysis of legal aid” (Một công cụ cho công lý: Phân tích chi phí - lợi ích của TGPL) (2019); Viện hỗ trợ pháp lý Campuchia (Cambodian Legal Aid Institute) - UNDP “A practical guide to legal aid for people with disabilities in criminal justice”(Bộ Tài liệu hướng dẫn thực tế về TGPL cho NKT trong công lý hình sự) (2020); Catherine Ryan “Disability Rights and the Law” (Quyền của NKT và luật pháp) (2021); Nur Paikah “Problems of Inclusive Legal Services of Person with Disabilities” (Các vấn đề về dịch vụ pháp lý toàn diện cho NKT) (2024).

1.3 Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài và những vấn đề luận án sẽ tiếp tục nghiên cứu

1.3.1. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

1.3.1.1. Những nội dung đã được các công trình nghiên cứu làm rõ, luận án có thể kế thừa và tiếp tục phát triển

Các công trình đã đề cập đến cơ sở lý luận về quyền TGPL của NKT; đánh giá qua thực trạng pháp luật và thực tiễn bảo đảm quyền TGPL của NKT ở Việt Nam; đề xuất một số quan điểm, giải pháp bảo đảm quyền TGPL của NKT.

1.3.1.2. Những vấn đề liên quan đến đề tài luận án nhưng chưa được giải quyết toàn diện

Một số khái niệm như quyền TCCL, quyền TGPL của NKT chưa được làm rõ; bước đầu nêu ưu điểm, hạn chế của pháp luật, thực tiễn bảo đảm quyền của NKT nói chung; thiếu sự phân tích đầy đủ về yêu cầu bảo đảm quyền của NKT, quyền TGPL của NKT ở Việt Nam.

1.3.2. Những vấn đề đặt ra luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Luận án luận giải các khái niệm, nội dung, phương thức, yếu tố tác động đến bảo đảm quyền TGPL của NKT; đánh giá thực trạng bảo đảm quyền TGPL của NKT ở Việt Nam theo nội dung, phương thức bảo đảm quyền; đề xuất quan điểm, giải pháp bảo đảm quyền TGPL của NKT trong bối cảnh mới của Việt Nam.

1.4. Giả thuyết khoa học và câu hỏi nghiên cứu

1.4.1. Giả thuyết khoa học

Mặc dù đã đạt được một số kết quả, việc bảo đảm quyền TGPL của NKT ở Việt Nam vẫn chưa hiệu quả do pháp luật và cơ chế thực thi chưa đáp ứng đầy đủ cách tiếp cận dựa trên QCN và nhu cầu đặc thù của NKT. Việc hoàn thiện theo hướng lấy NKT làm trung tâm góp phần bảo đảm quyền thực chất, hiệu quả hơn.

1.4.2. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi bao quát: Quyền TGPL của NKT ở Việt Nam cần được ghi nhận và bảo đảm như thế nào để phù hợp với chuẩn mực quốc tế về quyền của NKT và bối cảnh đặc thù của đất nước?

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT

2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò bảo đảm quyền trợ giúp pháp lý của người khuyết tật

2.1.1. Khái niệm bảo đảm quyền TGPL của NKT

2.1.1.1. Khái niệm trợ giúp pháp lý, quyền trợ giúp pháp lý

* Khái niệm TGPL: là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được TGPL theo quy định của Nhà nước, gồm tư vấn pháp luật, hỗ trợ pháp lý, đại diện, bào chữa, nhằm giúp họ TCCL, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

* Khái niệm quyền TGPL: là khả năng của các cá nhân có những hoàn cảnh đặc biệt, theo quy định của pháp luật được yêu cầu và thụ hưởng các dịch vụ pháp lý miễn phí, kịp thời, có chất lượng và phù hợp với nhu cầu của họ, do tổ chức, người thực hiện TGPL cung cấp trong khuôn khổ trách nhiệm bảo đảm của Nhà nước, nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và bảo đảm khả năng TCCL.

2.1.1.2. Khái niệm quyền TGPL của NKT

* Khái niệm NKT: là những người có tình trạng suy giảm hoặc khác biệt lâu dài về thể chất, trí tuệ, tâm thần, tâm lý, xã hội, giác quan, mà trong sự tương tác với các rào cản về thái độ, môi trường, thông tin, giao tiếp, pháp lý, thể chế, xã hội có thể cản trở họ tham gia đầy đủ, hiệu quả, bình đẳng vào đời sống cộng đồng.

* Quyền TGPL của NKT: là một QCN cơ bản, theo đó NKT được Nhà nước bảo đảm tiếp cận và sử dụng dịch vụ pháp lý miễn phí hoặc được hỗ trợ pháp lý phù hợp nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, nhằm giúp họ bình đẳng trước pháp luật và thực hiện quyền TCCL.

2.1.1.3. Bảo đảm quyền TGPL của NKT: là trách nhiệm của Nhà nước trong việc công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm thực

hiện quyền của NKT thông qua việc thiết lập và vận hành các cơ chế pháp lý nhằm giúp NKT được tiếp cận và sử dụng dịch vụ pháp lý miễn phí hoặc được hỗ trợ phù hợp khi tham gia các quan hệ pháp luật.

2.1.2. Đặc điểm bảo đảm quyền TGPL của NKT

Bảo đảm quyền TGPL của NKT được tiếp cận từ mô hình QCN, không phải từ mô hình từ thiện hoặc bảo trợ xã hội; có tính đặc thù do sự tương tác giữa tình trạng khuyết tật và các rào cản trong TCCL; đòi hỏi hỗ trợ hợp lý và điều chỉnh thủ tục phù hợp; mang tính liên ngành, liên thông, đa chủ thể; chú ý đến tính đa dạng, giao thoa của các dạng yếu thế.

2.1.3. Vai trò bảo đảm quyền TGPL của NKT

Bảo đảm quyền TGPL giúp NKT tiếp cận công lý, thực hiện bình đẳng, bảo vệ quyền của mình và là thước đo việc thực hiện nghĩa vụ của Nhà nước về QCN.

2.2. Nội dung, phương thức bảo đảm quyền TGPL của NKT

2.2.1. Nội dung quyền trợ giúp pháp lý của người khuyết tật

2.2.1.1. Quyền được tiếp cận thông tin về TGPL: NKT có quyền được cung cấp thông tin dễ hiểu, kịp thời về chính sách, pháp luật, địa chỉ cơ quan, hình thức, quy trình, thủ tục yêu cầu TGPL.

2.2.1.2. Quyền được yêu cầu và tiếp cận dịch vụ TGPL: Mọi NKT có quyền tiếp cận bình đẳng với các tổ chức cung cấp dịch vụ TGPL của Nhà nước, bao gồm tiếp cận về thông tin, công nghệ; tiếp cận vật chất, tiếp cận về quy trình thủ tục.

2.2.1.3. Quyền được thụ hưởng dịch vụ TGPL miễn phí, kịp thời và có chất lượng: NKT được cung cấp các hình thức TGPL phù hợp như tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng

một cách miễn phí, kịp thời, có chất lượng, do người có năng lực chuyên môn thực hiện, phù hợp với nhu cầu pháp lý của NKT.

2.2.1.4. Quyền được điều chỉnh hợp lý và hỗ trợ phù hợp trong quá trình TGPL: Nhà nước cần tổ chức các biện pháp trợ giúp như: cung cấp phiên dịch ngôn ngữ ký hiệu, người hỗ trợ giao tiếp, tài liệu dễ đọc, công cụ trợ năng, điều chỉnh thời gian, địa điểm, phương thức và thủ tục để NKT tham gia TGPL hiệu quả.

2.2.1.5. Quyền được tôn trọng nhân phẩm, bảo mật thông tin và không bị phân biệt đối xử: NKT phải được tôn trọng về nhân phẩm, đời tư, bí mật cá nhân, vụ việc, ý chí, nguyện vọng của họ trong toàn bộ quá trình TGPL. Mọi hình thức phân biệt đối xử, coi thường, hoặc lợi dụng NKT để trục lợi đều bị cấm.

2.2.1.6. Quyền khiếu nại, phản ánh và tham gia đánh giá chất lượng TGPL: NKT có quyền phản ánh, khiếu nại về việc từ chối TGPL, chậm trễ, chất lượng dịch vụ thấp, thái độ không phù hợp, hành vi xâm phạm quyền của họ. NKT và tổ chức của họ được tham vấn trong xây dựng, giám sát, đánh giá pháp luật về TGPL.

2.2.2. Phương thức bảo đảm quyền TGPL của NKT

Hoàn thiện pháp luật; nâng cao năng lực hệ thống và đội ngũ TGPL; bảo đảm điều kiện, nguồn lực; cơ chế phối hợp và giám sát; tăng cường truyền thông, giáo dục pháp luật và hợp tác quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền TGPL của NKT.

2.3. Các yếu tố tác động đến bảo đảm quyền TGPL của NKT

Gồm các yếu tố: chính trị - pháp lý; kinh tế - nguồn lực; tổ chức bộ máy và năng lực đội ngũ thực hiện TGPL; nhận thức xã hội và văn hóa pháp lý; khoa học - công nghệ và chuyển đổi số; hội nhập quốc tế và hợp tác nhân quyền.

2.4. Chuẩn mực quốc tế, kinh nghiệm một số nước về bảo đảm quyền TGPL của NKT - Những yêu cầu đặt ra và giá trị tham khảo cho Việt Nam.

2.4.1. Chuẩn mực quốc tế về bảo đảm quyền TGPL của NKT - Những yêu cầu đặt ra đối với Việt Nam

2.4.1.1. Chuẩn mực quốc tế về bảo đảm quyền TGPL của NKT

Cơ sở pháp lý quốc tế bảo đảm quyền TGPL của NKT được thể hiện trong CRPD (Điều 12, 13), và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên: ICCPR (Điều 2, Điều 14, Điều 26), ICESCR (Điều 2), CEDAW, CRC; các Bình luận chung, kết luận, khuyến nghị của cơ quan công ước: Bình luận chung số 1,2,6,9; các tuyên ngôn, nguyên tắc và hướng dẫn quốc tế, khu vực: UDHR, các Tuyên ngôn về NKT, Nguyên tắc và Hướng dẫn về TCCL cho NKT; Tuyên bố, Kế hoạch ASEAN về tăng cường vai trò của NKT, về hòa nhập quyền của NKT đến năm 2025; Báo cáo TCCL cho NKT ở châu Á và Thái Bình Dương...

2.4.1.2. Những yêu cầu đặt ra đối với Việt Nam

Yêu cầu về nội luật hóa đầy đủ và thống nhất các nghĩa vụ quốc tế; hoàn thiện cơ chế tổ chức và năng lực thể chế; bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở hạ tầng tiếp cận; nâng cao nhận thức xã hội và văn hóa pháp quyền; giám sát và trách nhiệm giải trình.

2.4.2. Kinh nghiệm của một số quốc gia trong bảo đảm quyền TGPL cho NKT - Giá trị tham khảo cho Việt Nam

2.4.2.1. Kinh nghiệm của một số quốc gia trong bảo đảm quyền TGPL cho NKT

Thứ nhất, kinh nghiệm của Úc: Bảo đảm quyền TGPL của NKT phải đặt trong tổng thể chính sách bảo đảm QCN, đồng thời cần có cơ chế phối hợp, triển khai, đồng hành của tổ chức NKT.

Thứ hai, kinh nghiệm của Thụy Điển: hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật đảm bảo quyền TCCL theo định hướng của CRPD, làm nền tảng thiết kế cơ chế TGPL, TCCL, hỗ trợ NKT.

Thứ ba, kinh nghiệm của Nhật Bản: Thiết lập hệ thống pháp lý đặt NKT vào trung tâm của chính sách bảo vệ QCN và TCCL, qua việc tham gia giám sát và triển khai các khuyến nghị của CRPD.

Thứ tư, kinh nghiệm của Indonesia: Thực hiện hiệu quả xã hội hóa dịch vụ TGPL, huy động vai trò cộng đồng và bảo đảm quyền TCCL cho người yếu thế ngay tại cơ sở.

2.4.2.2. Giá trị tham khảo cho Việt Nam

Tiếp cận dựa trên QCN; đa dạng mô hình thể chế; chú trọng hoàn thiện chính sách, pháp luật; phát triển nguồn lực và nhân lực chuyên biệt; ứng dụng công nghệ và dữ liệu; thúc đẩy hợp tác quốc tế trong bảo đảm quyền TGPL cho NKT.

Chương 3. THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM QUYỀN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT Ở VIỆT NAM

3.1. Khung chính sách, pháp luật về bảo đảm quyền trợ giúp pháp lý của người khuyết tật ở Việt Nam

3.1.1. Kết quả của khung chính sách, pháp luật

3.1.1.1. Chủ trương, chính sách của Đảng về bảo đảm quyền TGPL của NKT: quyền của NKT được ghi nhận trong các văn kiện Đại hội và nghị quyết của Đảng.

3.1.1.2. Thể chế hóa quan điểm của Đảng, hiến định và cụ thể hóa Hiến pháp về bảo đảm quyền TGPL của NKT: Nội luật hóa

CRPD, thể chế hóa quan điểm của Đảng qua Hiến pháp, pháp luật: Luật NKT, Luật TGPL, Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS), Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Luật Tố tụng hành chính (LTTHC), Luật Tổ chức tòa án nhân dân (LTCTAND)...

3.1.1.3. Quy định về quyền được tiếp cận thông tin về TGPL: NKT có quyền được thông tin về TGPL bằng hình thức phù hợp (khoản 3, Điều 8 - Luật TGPL năm 2017), (khoản 2, 3- điều 20, Luật Tiếp cận thông tin) (LTCTT), (khoản 1, Điều 71, BLTTHS), (khoản 6, Điều 48 - BLTTDS).

3.1.1.4. Quy định về quyền được yêu cầu và tiếp cận dịch vụ TGPL trên thực tế: NKT có quyền tiếp cận được với dịch vụ TGPL: (khoản 3, điều 27; Điều 43, Luật NKT), (Điều 3, LTCCT), (Điều 5, Luật Báo chí), (Điều 74, Luật Công nghệ thông tin); (Điều 10, Luật NKT); (khoản 2 điểm c Điều 29; khoản 2, Điều 10; Điều 31, 32, 33, 34, Luật TGPL).

3.1.1.5. Quy định về quyền được thụ hưởng dịch vụ TGPL miễn phí, kịp thời và có chất lượng: NKT có quyền TGPL miễn phí, kịp thời (Điều 8, 27, 11, 12, 17, 18 Luật TGPL), (điểm b, khoản 1, Điều 76 - BLTTHS), (khoản 3, Điều 9, Điều 75 - BLTTDS), (khoản 1, Điều 56; khoản 2; Điều 61- LTTHC).

3.1.1.6. Quy định về quyền được điều chỉnh hợp lý và hỗ trợ phù hợp trong quá trình TGPL: NKT có quyền được hỗ trợ phù hợp trong TGPL (Điều 70-BLTTHS), (Điều 20-BLTTDS, Điều 21-LTTHC), (Điều 16, khoản 2- LTCTAND), (Điều 18 - Luật TGPL).

3.1.1.7. Quy định về quyền được tôn trọng nhân phẩm, bảo mật thông tin và không bị phân biệt đối xử: NKT được bảo vệ trong

quá trình TGPL (khoản 1, 2 - Điều 14, Luật NKT), (khoản 4, Điều 8; khoản 1, Điều 6 Luật TGPL).

3.1.1.8. Quy định về quyền khiếu nại, phản ánh và tham gia đánh giá chất lượng TGPL: NKT có quyền yêu cầu thay đổi, rút yêu cầu TGPL; khiếu nại, tố cáo về TGPL (khoản 5,6,8 - Điều 8, Điều 45, Luật TGPL); tổ chức của và vì NKT tham gia xây dựng, giám sát thực hiện chính sách, pháp luật (Điều 9, Luật NKT).

3.1.2. Nguyên nhân của kết quả khung chính sách, pháp luật

3.1.2.1. Nguyên nhân chủ quan

Đảng và Nhà nước nhất quán quan điểm về chăm lo, bảo vệ NKT; mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN.

3.1.2.2. Nguyên nhân khách quan

Thực hiện nghĩa vụ quốc gia thành viên, trong đó CRPD; bảo đảm của NKT là yêu cầu của thực tiễn khách quan.

3.1.3. Hạn chế của khung chính sách, pháp luật

Việt Nam chưa nội luật hóa kịp thời, đầy đủ cam kết quốc tế về quyền của NKT, trong đó có quyền TGPL; pháp luật về TGPL cho NKT chưa theo kịp sự phát triển công nghệ; pháp luật tổ tụng chưa thống nhất với pháp luật TGPL; quy định về bảo vệ quyền của NKT còn phân tán; các chính sách bảo đảm quyền TGPL cho NKT vẫn mang tính hình thức và thiếu tính khả thi.

3.1.4. Nguyên nhân của hạn chế khung chính sách, pháp luật

Do quan điểm tiếp cận và tư duy pháp lý về quyền của NKT chưa được đồng bộ, thống nhất; kỹ thuật lập pháp còn nhiều bất cập; sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ.

3.2. Đánh giá thực trạng bảo đảm quyền TGPL của NKT ở Việt Nam

3.2.1. Khái quát chung

3.2.1.1. *Tình hình NKT ở Việt Nam hiện nay:* Việt Nam là quốc gia có tỷ lệ NKT khá cao trong khu vực. NKT vẫn còn gặp khó khăn trong giáo dục, y tế, lao động, công nghệ thông tin...

3.2.1.2. *Tình hình tham gia của NKT trong đời sống pháp lý và xã hội:* Hệ thống các tổ chức của và vì NKT ở Việt Nam giữ vai trò quan trọng trong bảo đảm quyền TCCL và TGPL cho NKT.

3.2.1.3. *Nhu cầu TCCL và dịch vụ pháp lý của NKT:* Nhu cầu TGPL của NKT có ba đặc điểm: tính lặp lại và kéo dài; tính đa chiều và tính đặc thù.

3.2.2. Kết quả bảo đảm quyền

3.2.2.1. *Bảo đảm quyền được tiếp cận thông tin về TGPL:* Đánh giá qua kết quả khảo sát và Báo cáo của Bộ Tư pháp.

3.2.2.2. *Bảo đảm quyền được yêu cầu và tiếp cận dịch vụ TGPL trên thực tế:* Đánh giá qua các Báo cáo của Ủy ban NKT Việt Nam, Kết quả khảo sát của MSD, Tổng cục thống kê, Bộ Tư pháp.

3.2.2.3. *Bảo đảm quyền được thụ hưởng dịch vụ TGPL miễn phí, kịp thời và có chất lượng:* Đánh giá qua Báo cáo của Bộ Tư pháp; Kết quả khảo sát.

3.2.2.4. *Bảo đảm quyền khiếu nại, phản ánh và tham gia đánh giá chất lượng TGPL:* Đánh giá qua báo cáo của các địa phương, Bộ Tư pháp, kết quả khảo sát.

3.2.3. Nguyên nhân của kết quả

3.2.3.1. *Nguyên nhân khách quan*

Yêu cầu khách quan về cải cách hành chính, tư pháp và thực hiện nghĩa vụ thành viên CRPD; điều kiện của Việt Nam.

3.2.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Sự chỉ đạo thống nhất của cơ quan quản lý về TGPL; sự chủ động, tích cực của đội ngũ TGVPL; sự phối hợp của các chủ thể.

3.2.4. Hạn chế của bảo đảm quyền

Đánh giá những hạn chế qua kết quả khảo sát điều tra, phỏng vấn sâu, Kết quả khảo sát của MSD, MDRI; các Báo cáo của Ủy ban NKT Việt Nam, Bộ Tư pháp, Tổng cục thống kê...

3.2.5. Nguyên nhân của hạn chế

3.2.5.1. Nguyên nhân chủ quan

Nhận thức và thái độ của các chủ thể; sự kỳ thị và phân biệt đối xử với NKT; trách nhiệm phối hợp chưa hiệu quả.

3.2.5.2. Nguyên nhân khách quan

Điều kiện kinh tế của đất nước; ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, sự phát triển của khoa học công nghệ.

Chương 4. QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYỀN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT Ở VIỆT NAM

4.1. Quan điểm bảo đảm quyền TGPL của NKT ở Việt Nam

Luận án xác định các quan điểm: (1) Bảo đảm quyền TGPL của NKT phải gắn với chủ trương, đường lối của Đảng, cụ thể hóa quy định của Hiến pháp; (2) phải phù hợp với chuẩn mực quốc tế về QCN; (3) đổi mới tư duy tiếp cận dựa trên quyền; (4) gắn với bối cảnh chuyển đổi số và công bằng xã hội; (5) gắn với đặc thù

của từng nhóm NKT; (6) bảo đảm bình đẳng và không phân biệt đối xử trong TGPL cho NKT.

4.2. Giải pháp bảo đảm quyền TGPL của NKT ở Việt Nam

4.2.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật

Tiếp tục nội luật hóa kịp thời và đầy đủ các cam kết quốc tế về QCN trong đó có quyền TGPL của NKT; Rà soát, sửa đổi các quy định pháp luật hiện hành không còn phù hợp, bổ sung quy định đặc thù về quyền TGPL của NKT.

4.2.2. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện pháp luật

4.2.2.1. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức về bảo đảm quyền TGPL của NKT: Quán triệt sâu sắc chủ trương của Đảng về quan tâm, trợ giúp NKT; đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật; tăng cường nâng cao nhận thức về quyền của NKT.

4.2.2.2. Tăng cường các biện pháp hỗ trợ NKT tiếp cận TGPL: Nhà nước bảo đảm để NKT tiếp cận dịch vụ TGPL: tiếp cận công nghệ thông tin, tiếp cận vật chất, cải tiến quy trình, thủ tục trong các điều kiện đặc thù.

4.2.2.3. Bảo đảm nguồn nhân lực trong TGPL cho NKT: Kien toàn tổ chức và người thực hiện TGPL; đồng thời chú trọng đào tạo, bồi dưỡng người thực hiện TGPL cho NKT; huy động nguồn nhân lực tham gia TGPL cho NKT.

4.2.2.4. Bảo đảm nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất trong TGPL cho NKT: Nhà nước cần sử dụng hiệu quả nguồn lực để bảo

đảm quyền TCCL, TGPL của NKT; đồng thời đẩy mạnh và huy động xã hội hóa nguồn lực trong hoạt động TGPL cho NKT.

4.2.2.5. Tăng cường phối hợp và cơ chế giám sát việc thực hiện quyền TGPL của NKT: Phối hợp triển khai hiệu quả các chính sách, pháp luật liên quan; tăng cường phối hợp và vai trò giám sát của các thiết chế xã hội.

4.2.2.6. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong TGPL cho NKT: Tạo cơ hội cho Việt Nam tiếp thu kinh nghiệm, mô hình và thực tiễn tốt về TGPL đối với NKT; huy động các nguồn lực; thúc đẩy quá trình nội luật hóa các tiêu chuẩn quốc tế về quyền của NKT và quyền TCCL.

KẾT LUẬN

Luận án “Bảo đảm quyền trợ giúp pháp lý của người khuyết tật ở Việt Nam” đã tập trung nghiên cứu một cách có hệ thống cả về phương diện lý luận và thực tiễn.

Luận án đã phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến quyền TGPL và quyền của NKT; từ đó xác định khoảng trống nghiên cứu và khẳng định tính cần thiết, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.

Luận án đã xây dựng và làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò; nội dung, phương thức bảo đảm quyền TGPL của NKT dưới góc độ pháp luật về QCN; phân tích các chuẩn mực và nguyên tắc quốc tế, khu vực và một số quốc gia về bảo đảm quyền TGPL của NKT, từ đó chỉ ra kinh nghiệm tham khảo cho Việt Nam; phân tích các yếu tố ảnh hưởng làm nền tảng lý luận cho việc phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp bảo đảm quyền TGPL của NKT Việt Nam.

Luận án đã đánh giá toàn diện tình hình bảo đảm quyền TGPL của NKT ở Việt Nam trong thời gian qua; chỉ ra những kết quả, hạn chế, nguyên nhân của kết quả, hạn chế của khung chính sách, pháp luật và kết quả bảo đảm quyền TGPL của NKT.

Luận án đã đề xuất hệ thống quan điểm bảo đảm quyền TGPL của NKT, đưa ra các nhóm giải pháp đồng bộ, nâng cao hiệu quả thực thi quyền TGPL của NKT trong thời gian tới. Kết quả nghiên cứu của luận án không chỉ có ý nghĩa về mặt khoa học mà còn có giá trị thực tiễn trong việc thúc đẩy bảo đảm QCN, đặc biệt là quyền TCCL của NKT, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN./.

DANH MỤC CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Trịnh Thị Tuyết Mai (2024), “Quyền trợ giúp pháp lý của người khuyết tật theo quy định của pháp luật Việt Nam”, Tạp chí Quản lý Nhà nước (online) 8/2024, ISSN: 2815-5831.
2. Trịnh Thị Tuyết Mai (2025), “Nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo đảm quyền trợ giúp pháp lý của người khuyết tật”, Tạp chí Quản lý Nhà nước, Số 354, 7/2025, ISSN: 2354 - 0761.
3. Vũ Công Giao, Trịnh Thị Tuyết Mai (2025), “Quyền của người khuyết tật trong Luật nhân quyền quốc tế”, Tạp chí Pháp luật và Phát triển, 8/2025, ISSN: 0866 - 7500, tr 30 - 39.
4. Trịnh Thị Tuyết Mai, Cầm Thị Lai (2025), “Bảo đảm quyền của người khuyết tật ở Việt Nam: Khung pháp luật và giải pháp thúc đẩy”, Tạp chí Pháp luật và Phát triển 8/2025, ISSN: 0866 - 7500, tr 51- 61.
5. Trịnh Thị Tuyết Mai (2025), “Quyền tiếp cận công lý của người khuyết tật trong pháp luật quốc tế và thực trạng nội luật hóa trong pháp luật Việt Nam”, Tạp chí Nghề Luật 11/2025, ISSN: 1859 - 3631.
6. Trịnh Thị Tuyết Mai (2025), “Quyền trợ giúp pháp lý của người khuyết tật trong pháp luật quốc tế và gợi mở giá trị tham khảo cho Việt Nam”, Tạp chí Pháp luật về quyền con người, Số 51 (12/2025), ISSN: 2615 - 899X.